VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công như sau:[1]

---

[1] *Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 có căn cứ ban hành như sau:*

"Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công."

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công (sau đây gọi là Nghị định số 45/2012/NĐ-CP). Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động khuyến công thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề án khuyến công* theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP bao gồm đề án khuyến công quốc gia và đề án khuyến công địa phương.

2. *Đề án khuyến công quốc gia* là đề án khuyến công do Cục Công Thương địa phương quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia để triển khai các hoạt động khuyến công quốc gia theo kế hoạch do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công địa phương* là đề án khuyến công do Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương để triển khai các hoạt động khuyến công của địa phương theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. *Chương trình khuyến công địa phương* là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công địa phương trong từng giai đoạn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

Điều 3. Quy định chi tiết về đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp hoặc số lao động bình quân năm như quy định tại Điều 3, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã. Tổ hợp tác thành lập và hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác.

c)[2] Hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

d) Các cơ sở công nghiệp nông thôn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại các phường thuộc thành phố loại 1 khi trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm thuộc đối tượng được hưởng chính sách khuyến công.

đ) Thời gian xác định các phường thuộc thành phố loại 1 chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm kể từ ngày có hiệu lực của Quyết đinh chuyển đổi do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm xây dựng kế hoạch.

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn không giới hạn về quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân hàng năm và địa bàn đầu tư sản xuất.

Điều 4. Quy định chi tiết một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

1. Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm, bao gồm các nội dung hoạt động:

a) Tổ chức các hội thảo, diễn đàn để giới thiệu thị trường, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, tổ chức dịch vụ khuyến công, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

b) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham dự các diễn đàn, hội thảo, hội chợ triển lãm tại nước ngoài để quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mỗi cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ không quá 2 lần/năm.

c) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn quảng bá thông tin trên internet thông qua các giải pháp tiếp thị trực tuyến, xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến.

---

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

d) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn khai thác danh sách khách hàng có nhu cầu chào mua, chào bán, các nhà nhập khẩu của nước ngoài thông qua các chương trình tiếp xúc, đối thoại trực tuyến. Triển khai các chương trình tập huấn và thực hành kỹ năng khai thác thông tin xuất khẩu, thông tin thị trường trên các cổng thông tin điện tử trong và ngoài nước.

2[3]. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, bao gồm: hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến, tuyên truyền, nhân rộng.

a) Xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới:

- Đối với đề án khuyến công quốc gia, xem xét hỗ trợ xây dựng trên địa bàn cấp huyện 01 mô hình ứng dụng công nghệ mới và 01 mô hình sản xuất sản phẩm mới chưa có cơ sở nào ứng dụng hoặc sản xuất. Riêng đối với các huyện thuộc địa bàn ưu tiên được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, được hỗ trợ 02 mô hình cho cùng một nội dung phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới, nhưng mô hình thứ hai không thuộc địa bàn cùng xã với mô hình thứ nhất.

Đối với đề án khuyến công địa phương, tùy theo điều kiện thực tế Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lượng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới được hỗ trợ xây dựng trên địa bàn.

- Công nghệ mới được lựa chọn xây dựng mô hình trình diễn phải nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường so với công nghệ các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đang áp dụng do cơ quan quản lý chương trình khuyến công xem xét, quyết định.

b) Xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến, tuyên truyền, nhân rộng các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động hiệu quả:

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động hiệu quả, khi lựa chọn hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến, tuyên truyền, nhân rộng phải tiêu biểu về hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý chương trình khuyến công xem xét, quyết định.”.

3. Đối với hoạt động hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật được lựa chọn hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng là những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao được năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Hoạt động hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cho các cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện đúng quy trình, thủ tục và các quy định khác theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

4[4]. Đối với hoạt động hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Máy móc tiên tiến được hỗ trợ ứng dụng là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ mới. Riêng đối với dây chuyền công nghệ được hỗ trợ ứng dụng còn phải đảm bảo là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ, quy trình công nghệ, vận hành đồng bộ để sản xuất sản phẩm;

- Ứng dụng vào các khâu sản xuất, xử lý ô nhiễm môi trường nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ cơ sở sản xuất đang sử dụng hoặc tạo ra sản phẩm mới.

5. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn:

a) Các nội dung hoạt động hỗ trợ gồm: Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp được chọn thí điểm; Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp điển hình xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp được lựa chọn hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn phải nâng cao được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

6. Các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp được lựa chọn hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

7. Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn được thực hiện định kỳ theo quy mô cấp huyện, tỉnh, khu vực hoặc toàn quốc. Tùy điều kiện thực tế các cơ quan quản lý chương trình xem xét để lồng ghép kết hợp tổ chức hội chợ triển lãm với bình chọn và tôn vinh các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp.

8. Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ được thực hiện đối với tổ chức hội chợ triển lãm chuyên đề về các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các ngành nghề, dịch vụ có liên quan.

9. Hoạt động hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại, bao gồm:

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm gắn với du lịch và các khu thương mại.

b) Hỗ trợ các Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng đầu tư các phòng trưng bày giới thiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm công nghiệp nông thôn của tỉnh, thành phố và vùng.

c) Hỗ trợ xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử dành cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nhằm khuyến khích việc quảng bá thương hiệu, các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp nông thôn lên môi trường Internet.

10. Hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp bao gồm các hoạt động: hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu nhằm thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp tại các địa phương.

Điều 5. Quy định chi tiết một số danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

1. Đối với sản xuất vật liệu xây dựng, không hỗ trợ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công cải tiến, lò vòng gây ô nhiễm môi trường; tập trung hỗ trợ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới (vật liệu không nung), không ô nhiễm môi trường, sử dụng nguyên liệu tái tạo.

2[5]. Đối với khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, xác định theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 6. Quy định chi tiết địa bàn, ngành nghề và nguyên tắc ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

1. Địa bàn ưu tiên

a) Huyện vùng cao, hải đảo, biên giới đất liền, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.

b)[6] Các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

c) Địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hàng năm hay từng giai đoạn.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

d)[7] Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn xác định theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Ngành nghề ưu tiên

a) Sản xuất sản phẩm có thị trường xuất khẩu: áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu hoặc sản xuất sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu.

b) Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ: áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính của quá trình sản xuất, được cung cấp từ địa bàn cấp tỉnh nơi đầu tư sản xuất, chiếm trên 50% tổng giá trị nguyên liệu, vật liệu.

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn sử dụng nhiều lao động là cơ sở sản xuất có sử dụng từ 50 lao động trở lên.

d)[8] Đối với công nghiệp hỗ trợ: áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

đ) Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu là sản phẩm quy định tại khoản 4, Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được cấp giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Công Thương.

3. Nguyên tắc xét ưu tiên

a) Ưu tiên trong phân bổ kế hoạch kinh phí

- Về địa bàn: Khi xét giao kế hoạch phân bổ kinh phí khuyến công hàng năm, cơ quan quản lý chương trình xét ưu tiên lần lượt các địa bàn theo thứ tự từ điểm a đến điểm d của khoản 1, Điều này;

---

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

[8] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

- Về ngành nghề: Khi xét giao kế hoạch kinh phí khuyến công ưu tiên lần lượt theo thứ tự đối với các chương trình, đề án quy định tại điểm b, sau đó đến điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (không bao gồm áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp);

- Khi xét giao kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm tùy theo khả năng cân đối ngân sách, cơ quan quản lý chương trình sẽ ưu tiên phân bổ kế hoạch kinh phí theo địa bàn trước sau đó xét đến ưu tiên về ngành nghề.

b) Đối với hoạt động sản xuất sạch hơn không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề như quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này. Thứ tự ưu tiên xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định;

c) Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

Điều 7. Quy định chi tiết về tổ chức dịch vụ khuyến công quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP

1. Các tổ chức dịch vụ khuyến công khác theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế thành lập theo quy định của pháp luật; có đủ năng lực và có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với nội dung hoạt động khuyến công tham gia thực hiện.

2. Năng lực của tổ chức dịch vụ khuyến công khi tham gia hoạt động khuyến công tùy theo tính chất, đặc điểm từng dạng đề án, nhiệm vụ tham gia được cơ quan quản lý chương trình lựa chọn khi đánh giá năng lực theo một số tiêu chí như: năng lực về nguồn nhân lực, khả năng về tài chính, cơ sở vật chất và kinh nghiệm triển khai thực hiện.

Điều 8. Xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công

1. Xây dựng Chương trình khuyến công giai đoạn

a) Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm

a) Kế hoạch khuyến công quốc gia:

- Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Cục Công Thương địa phương chủ trì hướng dẫn các Sở Công thương, ban, ngành liên quan và các tổ chức dịch vụ khuyến công xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia;

- Sở Công Thương chủ trì xây dựng kế hoạch và thẩm định cấp cơ sở các đề án khuyến công thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia triển khai tại địa phương gửi Cục Công Thương địa phương tổng hợp;

- Trên cơ sở nguồn kinh phí thực có, Cục Công Thương địa phương thẩm định các nhiệm vụ, đề án khuyến công của các đơn vị để tổng hợp kế hoạch khuyến công quốc gia hàng năm, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Kế hoạch khuyến công địa phương:

- Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương;

- Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai kế hoạch khuyến công địa phương sau khi được phê duyệt.

3. Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, đề án khuyến công

a) Quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Điều 9. Chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát các đề án, chương trình khuyến công

1. Sở Công Thương có trách nhiệm:

a)[9] Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động khuyến công quốc gia và địa phương trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Tổng hợp các báo cáo đột xuất về hoạt động khuyến công trên địa bàn cấp tỉnh theo yêu cầu của Cục Công Thương địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

c) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về chế độ báo cáo, hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu theo dõi, giám sát chương trình, đề án khuyến công và phân công cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện.

2. Cục Công Thương địa phương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động khuyến công trên phạm vi cả nước gửi Bộ Công Thương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Hàng năm, Cục Công Thương địa phương phối hợp với Sở Công thương, các Bộ, ngành và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát thực hiện các đề án khuyến công quốc gia; Sở Công thương phối hợp với các Sở, ban ngành và đơn vị liên quan ở địa phương hướng dẫn, kiểm tra và giám sát thực hiện các đề án khuyến công địa phương.

Điều 10. Quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công

1. Cục Công Thương địa phương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

---

[9] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

Điều 11[10]. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký./.

BỘ CÔNG THƯƠNG	**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**
Số: 16/VBHN-BCT	
	Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017
	BỘ TRƯỞNG
	Trần Tuấn Anh

[10] Điều 2 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 quy định như sau:

"**Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc trong việc áp dụng Thông tư này, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (Cục Công Thương địa phương) để được hướng dẫn./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng